



BẢN TIN THÁNG:

(Lưu hành nội bộ)

**BẢN TIN THỊ TRƯỜNG
LÚA GẠO - SỐ 14**

**THÁNG
08/2021**

A/ THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:**I. GIÁ GẠO TRONG THÁNG 07: (Nguồn Oryza.com)**

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	THẤP NHẤT	CAO NHẤT	BÌNH QUÂN	So T07.21	So T08.20
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	388	402	395	-16	-23
	5% tấm	378	392	385	-16	-22
	25% tấm	363	377	370	-16	-25
	Hom Mali 92%	603	702	632	+3	-535
	Gạo đỏ 100% Stxd	383	397	391	-19	-26
	A1 Super	336	355	345	-20	-34
VIỆT NAM	5% tấm	385	407	395	-32	+27
	25% tấm	365	382	371	-35	+28
	Jasmine	558	577	565	+5	+43
	100% tấm	328	337	330	-31	+14
ẤN ĐỘ	5% tấm	368	387	375	-10	-2
	25% tấm	338	357	345	-10	-1
	Gạo đỏ 5% Stxd	348	357	352	-6	-24
	100% tấm Stxd	273	282	277	+1	-38
PAKISTAN	5% tấm	353	367	358	-32	-8
	25% tấm	313	332	319	-22	-19
	100% tấm Stxd	308	327	314	-32	-1
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	353	387	373	-15	-69
MỸ	4% tấm	583	597	588	-7	+78
	15% tấm (Sacked)	568	577	572	+2	+52
	Gạo đỏ 4% tấm	600	607	603	+1	+63
	Calrose 4%	1115	1119	1117	+25	+292

II. SỰ KIỆN TRONG THÁNG:**1. Dự báo thị trường thương mại gạo toàn cầu:**

Cập nhật T07.2021	Sản lượng 2021/22 (triệu tấn)	So 2020/21	Thương mại 2021/22 (triệu tấn)	So 2020/21	Tồn kho cuối kỳ 2021/22 (triệu tấn)	So 2020/21
IGC	512,0	+1,19%	47,0	0,00%	172,0	+0,58%
USDA	507,5	+0,32%	47,7	-1,40%	170,1	-3,84%
FAO	519,1	+0,93%	48,4	+1,68%	185,1	+0,43%

2. Dự báo tình hình xuất khẩu toàn cầu niên vụ 2020/2021:
(Theo USDA đến ngày 12/09/2021; ĐVT: triệu tấn)

Nước xuất khẩu	2017	2018	2019	2020	2021 (T8.2021)	2021 (T9.2021)	Điều chỉnh
Ấn Độ	11,791	9,813	14,560	18,750	16,000	16,500	+0,500
Thái Lan	11,213	7,562	5,706	5,600	6,500	6,500	-
Việt Nam	6,590	6,581	6,167	6,300	6,400	6,400	-
Pakistan	3,913	4,550	3,934	4,100	4,300	4,150	-0,150
Mỹ	2,776	3,142	2,858	2,950	2,875	2,875	-
Các nước khác	12,014	12,276	11,992	10,530	11,584	11,589	+0,005
Cả Thế giới	48,297	43,924	45,217	48,230	47,659	48,014	+0,355

3. Dự báo tình hình nhập khẩu toàn cầu niên vụ 2020/2021:
(Theo USDA đến ngày 12/09/2021; ĐVT: triệu tấn)

Nước nhập khẩu	2017	2018	2019	2020	2021 (T8.2021)	2021 (T9.2021)	Điều chỉnh
Trung Quốc	4,500	2,800	3,200	3,900	3,600	3,600	-
Philippines	2,500	2,900	2,450	2,100	2,100	2,100	-
Nigeria	2,100	1,800	1,800	1,900	2,000	2,000	-
Senegal	1,100	1,000	1,050	1,150	1,250	1,100	-0,150
Saudi Arabia	1,290	1,425	1,613	1,500	1,400	1,400	-
Bangladesh	1,400	0,080	0,020	2,100	0,500	0,600	+0,100
Bờ Biển Ngà	1,500	1,350	1,100	1,200	1,250	1,250	-
Malaysia	0,800	1,000	1,220	1,100	1,100	1,100	-
Iraq	1,237	1,263	0,970	1,150	1,200	1,200	-
Liên Minh Châu Âu	1,633	1,799	1,994	1,850	2,000	2,000	-
Các nước khác	30,237	28,507	29,800	30,280	31,259	31,664	+0,450
Cả Thế giới	48,297	43,924	45,217	48,230	47,659	48,014	+0,355

4. Các thị trường chính:

THÁI LAN:

Kết thúc tháng 08/2021 với giá chào gạo trắng 5% tằm ở mức 390 USD/tấn, tăng khoảng 5 USD/tấn so với thời điểm tháng 07/2021 và giảm khoảng 115 USD/tấn so cùng kỳ năm trước.

Ủy ban Chính sách Lúa gạo Quốc gia Thái Lan đã thông qua mức ngân sách 89 tỷ baht (khoảng 2,67 tỷ USD) cho chương trình đảm bảo giá gạo vụ mùa năm 2021.

Chủ tịch Hiệp hội Các nhà Xuất khẩu Gạo Thái Lan (TREA) cho biết tình hình xuất khẩu gạo trong các tháng cuối năm 2021 sẽ lạc quan hơn nhờ đồng baht Thái suy yếu và giá gạo đi xuống.

ẤN ĐỘ:

Kết thúc tháng 08/2021 với giá chào gạo trắng 5% tằm ở mức 370 USD/tấn, giảm khoảng 15 USD/tấn so với thời điểm tháng 07/2021 và giảm khoảng 5 USD/tấn so cùng kỳ năm trước.

Tính đến ngày 01/08/2021, tồn kho gạo cả nước đạt 44,46 triệu tấn, bao gồm 22,91 triệu tấn lúa quy gạo, tăng khoảng 26,6% so với cùng kỳ năm trước và giảm 9,5% so với mức 49,11 triệu tấn thời điểm 01/07/2021.

Ấn Độ xuất khẩu 1,578 triệu tấn gạo các loại trong tháng 5/2021, bao gồm 1,21 triệu tấn gạo non-basmati và 370.981 tấn gạo basmati, tăng khoảng 28% so với cùng kỳ năm ngoái.

Xuất khẩu gạo của Ấn Độ trong năm thị trường 2021/22 (4/2021-3/2022) dự kiến sẽ chịu nhiều ảnh hưởng do tình trạng giá cước tăng cao, khan hiếm container rỗng và giá gạo của các nguồn cung khác trong khu vực như Việt Nam, Thái Lan và Pakistan giảm mạnh. Các thương nhân xuất khẩu gạo Ấn Độ cho biết tổng khối lượng hợp đồng giao sau đến tháng 11/2021 đã ký kết hiện vào khoảng 1-1,2 triệu tấn/tháng. Tuy nhiên, dự kiến xuất khẩu gạo trong cả năm thị trường 2021/22 sẽ chỉ dừng ở mức 12 triệu tấn, giảm khoảng 32% so với con số 17,72 triệu tấn năm 2020/21.

Báo cáo chuyên đề “Ước tính Sản lượng Ngũ Cốc, Lương thực” lần thứ 4 của chính phủ Ấn Độ cho thấy tổng sản lượng gạo xay xát niên vụ 2020/21 (7/2020-6/2021) ước đạt 122,27 triệu tấn, tăng khoảng 3% so với con số 118,87 triệu tấn niên vụ 2019/20, vượt mục tiêu đề ra khoảng 1% và cao hơn 8,7% so với mức 112,44 triệu tấn bình quân 5 năm.

PAKISTAN:

Kết thúc tháng 08/2021 với giá chào gạo trắng 5% tằm ở mức 335 USD/tấn, giảm khoảng 10 USD/ tấn so với thời điểm tháng 07/2021 và giảm khoảng 60 USD/tấn so cùng kỳ năm trước.

Pakistan xuất khẩu 226.392 tấn gạo trong tháng 7/2021, bao gồm 70.715 tấn gạo basmati và 155.677 tấn gạo non-basmati, giảm khoảng 29% so với tháng 6/2021 và giảm khoảng 15% so với cùng kỳ năm ngoái.

Thời tiết hạn hán kéo dài và nỗi lo thiếu hụt nguồn nước tưới tiêu đang gây ảnh hưởng đến quá trình sản xuất cũng như năng suất vụ chính tại tỉnh sản xuất lúa gạo lớn nhất nước là Sindh.

MIỀN ĐIỆN:

Kết thúc tháng 08/2021 với giá chào gạo trắng 5% tằm ở mức 355 USD/tấn, giảm khoảng 30 USD/ tấn so với thời điểm tháng 07/2021 và giảm khoảng 95 USD/tấn so cùng kỳ năm trước.

Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo xuất khẩu gạo trong tháng 8/2021 của Miền Điện sẽ thấp hơn những tháng trước đó do biên giới Miến – Trung tiếp tục bị đóng cửa cũng như thiếu vắng hẳn nhu cầu từ khu vực châu Phi và châu Âu.

Tổ chức Nông Lương Thế giới (FAO) dự báo sản lượng lúa gạo năm 2021 của Miền Điện vào khoảng 24,91 triệu tấn, giảm khoảng 0,8% so với năm 2020. Xuất khẩu gạo cả năm 2021 dự kiến đạt 2 triệu tấn, giảm khoảng 11% so với năm 2020 do sản lượng năm 2020 dưới mức bình quân và do đó tồn kho mang sang 2021 cũng thấp hơn.

INDONESIA:

Cơ quan Hậu cần Quốc gia Indonesia (Bulog) ước tính dự trữ gạo cả nước thời điểm cuối năm 2022 vào khoảng 1,04 triệu tấn. Hiện Bulog cũng đang lên kế hoạch thu mua 1,25 triệu tấn gạo trong dân và vẫn chưa có kế hoạch nhập khẩu cho năm 2022. Chính phủ Indonesia đề ra mục tiêu 57,5 triệu tấn lúa sản lượng trong năm 2022, tăng khoảng 3% so với năm 2021.

CHÂU ÂU:

Từ ngày 01/09/2020-22/08/2021 năm thị trường 2020/21, EU và Anh đã nhập khẩu 1,151 triệu tấn quy gạo các loại, giảm khoảng 29% so với cùng kỳ năm trước.

5. Thông tin thầu:

Hàn Quốc, Công ty Thương mại Thực phẩm và Nông-Thủy sản Hàn Quốc (KAFTC) đang mở đợt thầu mới, tìm kiếm nguồn cung cho số lượng 42.222 tấn gạo lứt (non-glutinous) với thời gian giao hàng từ 28/2/2022-30/4/2022. Hạn chót nhận hồ sơ thầu lúc 15h00 giờ địa phương, ngày 08/9/2021. Thầu sẽ được diễn ra vào lúc 10h00-11h00 giờ địa phương, ngày 09/09/2021.

KAFTC cũng công bố kết quả đợt thầu quốc tế tìm mua 39.336 tấn gạo lứt/xát trắng (non-glutinous) mở ngày 11/8/2021: Số lượng nhập khẩu thành công là 22.222 tấn gạo lứt hạt vừa, xuất xứ Mỹ từ công ty Fila Sun Co., Ltd với giá 1.224,54 USD/tấn. Đây cũng là kết quả đợt thầu nhập khẩu gạo quốc tế lần thứ 5 của Hàn Quốc trong năm 2021.

III. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC: (Nguồn: www.xe.com)

Ngoại tệ	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân
Yuan Trung Quốc (CNY)	6,46	6,50	6,48
Euro (USD/Euro)	1,17	1,19	1,18
Rupiah Indonesia (IDR)	14.254,17	14.448,73	14.381,30
Rupee Ấn Độ (INR)	72,97	74,50	74,11
Yen Nhật Bản (JPY)	109,09	110,54	109,86
Philippines Peso (PHP)	49,62	50,70	50,18

Pakistan Rupees (PKR)	163,06	166,87	164,61
Baht Thái Lan (THB)	32,27	33,47	33,10
Vietnamese Dong (VND)	22.787,58	22.985,91	22.854,07

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU GẠO:

1. Kết quả xuất khẩu:

Theo số liệu tổng hợp, kết quả xuất khẩu tháng 8/2021 đạt 499.033 tấn, trị giá 243,306 triệu USD so với cùng kỳ giảm 17,39% về số lượng và giảm 19,87% về trị giá. Lũy kế xuất khẩu gạo Việt Nam từ đầu năm đến ngày 31/08/2021 số lượng đạt 3,986 triệu tấn, trị giá 2,129 tỷ USD so với cùng kỳ về số lượng giảm 13,42% và về trị giá giảm 5,48%.

*** Thị trường xuất khẩu lũy kế 8 tháng/2021:**

Thị Trường	Số lượng (tấn)	Trị giá (USD/tấn)	Chiếm (%)
Angola	1.188	611.675	0,03%
Australia	24.364	15.658.632	0,61%
Bangladesh	52.916	32.006.028	1,33%
Belgium	1.736	1.272.329	0,04%
Cuba	152.500	80.479.876	3,83%
Chile	196	153.372	0,00%
China	733.862	376.138.042	18,41%
East Timor	33.937	4.048.155	0,85%
France	2.033	1.456.004	0,05%
Ghana	406.808	239.811.663	10,21%
Hongkong	54.263	33.237.497	1,36%
Indonesia	33.802	16.817.600	0,85%
Ivory Coast	267.049	136.194.114	6,70%
Laos	13.286	6.323.693	0,33%
Malaysia	196.968	100.938.057	4,94%
Mozambique	29.498	17.678.184	0,74%
Netherlands	6.374	4.301.598	0,16%
Papua New Guinea	20.872	10.231.556	0,52%
Poland	4.380	2.798.837	0,11%
Philippines	1.543.308	798.255.279	38,72%
Russia	1.121	814.219	0,03%
Saudi Arabia	15.811	10.398.736	0,40%
Senegal	281	180.880	0,01%
Singapore	83.810	48.482.510	2,10%
South Africa	3.657	2.368.445	0,09%
Spain	394	271.592	0,01%
Taiwan	12.385	6.760.708	0,31%
Tanzania	6.259	3.879.312	0,16%

Turkey	1.253	886.578	0,03%
Ukraine	730	501.799	0,02%
United Arab Emirates	27.881	17.413.564	0,70%
United States of America	10.161	7.517.993	0,25%
<i>Các nước khác</i>	<i>243.001</i>	<i>150.946.820</i>	<i>6,10%</i>
TỔNG CỘNG	3.986.084	2.128.835.348	100,00%

2. Bảng tàu xếp hàng:

Từ ngày 01/08 - 31/08/2021, có 22 tàu vào các cảng xếp hàng với số lượng dự kiến 125.300 tấn gạo các loại trong đó, 14 tàu cảng Hồ Chí Minh và 08 tàu cảng Mỹ Thới.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Quang Minh 6	HCM	03/08/2021	4.000	Philippines
2	Đông Dương 09	HCM	05/08/2021	5.000	Philippines
3	Globe 6	Mỹ Thới	06/08/2021	4.000	Philippines
4	Mỹ Hưng	Mỹ Thới	06/08/2021	5.000	Philippines
5	Hoà Bình 27	Mỹ Thới	07/08/2021	2.600	Philippines
6	Hòa Bình 45	HCM	09/08/2021	4.000	Philippines
7	Hồng Lĩnh 1	HCM	09/08/2021	12.500	Philippines
8	Hòa Bình 54	HCM	10/08/2021	5.000	Philippines
9	Hải Hà 58	HCM	13/08/2021	3.800	Philippines
10	Hải Phương 619	Mỹ Thới	13/08/2021	3.950	Philippines
11	J-phia	Mỹ Thới	13/08/2021	1.300	Philippines
12	Nasico Eagle	Mỹ Thới	13/08/2021	6.000	Philippines
13	Hải Hà 388	HCM	17/08/2021	3.800	Philippines
14	Sunrise 69	HCM	17/08/2021	6.500	Philippines
15	Vĩnh Phúc 168	Mỹ Thới	20/08/2021	2.950	Philippines
16	Trường Lộc 16	HCM	21/08/2021	4.900	Philippines
17	Quang Minh 9	HCM	22/08/2021	4.000	Philippines
18	TLC 01	HCM	24/08/2021	6.500	Philippines
19	Manta Cicek	HCM	25/08/2021	23.000	Syria
20	Hoà Bình 09	HCM	26/08/2021	6.500	Philippines
21	Hải Đăng	Mỹ Thới	27/08/2021	4.700	Philippines
22	Sky Fortune	HCM	28/08/2021	5.300	Philippines
Tổng				125.300	

II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:**1. Tiến độ sản xuất:**

Theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

* Từ ngày 01/08 đến 31/08/2021:

- Vụ Hè Thu: đã thu hoạch thêm 527 ngàn ha với năng suất khoảng 57 tạ/ha.

- Vụ Thu Đông: đã xuống giống thêm 100 ngàn ha và thu hoạch được 38 ngàn ha với năng suất khoảng 51,7 tạ/ha.

* Tính đến ngày 31/08/2021:

- Vụ Hè Thu: Diện tích xuống giống được 1,509 triệu ha/1,521 triệu ha diện tích kế hoạch đạt 99,32%, đã thu hoạch được 1,113 triệu ha với năng suất 57 tạ/ha, đạt sản lượng khoảng 6,346 triệu tấn.

- Vụ Thu Đông: Diện tích xuống giống được 484 ngàn ha/700 ngàn ha diện tích kế hoạch đạt 69,14%, đã thu hoạch được 38 ngàn ha với năng suất 51,7 tạ/ha.

2. Giá lúa gạo nội địa ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long:

Loại Hàng	Giá cao nhất	Giá thấp nhất	Giá BQ	So với T08/2021	So với T08/2020
Lúa Tươi Tại Ruộng					
Hạt dài	5.900	4.950	5.250	-459	-671
Lúa thường	5.550	4.250	4.678	-506	-1.020
Lúa Khô/ Ướt Tại Kho					
Hạt dài	8.050	5.250	6.539	-468	-404
Lúa thường	7.350	4.650	5.966	-390	-818
Gạo Nguyên Liệu					
Lứt loại 1	9.300	7.750	8.275	-677	-848
Lứt loại 2	7.850	6.850	7.320	-271	-1.613
Xát trắng loại 1	10.900	8.750	9.434	-641	-1.202
Xát trắng loại 2	8.500	7.800	8.218	-267	-2.215
Phu Phẩm					
Tấm ½	8.550	6.550	6.977	-466	-1.363
Tấm 2/3	6.950	6.300	6.709	-383	-969
Tấm ¾	6.850	5.950	6.366	-504	-659
Cám xát	7.600	5.850	6.459	-891	+745
Cám lau	7.600	5.850	6.459	-891	+748
Gạo TPXK Không Bao Tai Man					
Gạo trắng 5% tấm	9.050	8.250	8.625	-349	-2.152
Gạo trắng 10% tấm	8.550	8.250	8.350	-355	-2.363
Gạo trắng 15% tấm	8.850	8.000	8.431	-341	-2.045
Gạo trắng 20% tấm	8.350	8.050	8.200	-370	-2.276
Gạo trắng 25% tấm	8.650	7.700	8.210	-353	-1.958

C/ MÓN NGON VIỆT NAM:

Bánh căn hay bánh cặng là một loại bánh được phát triển ở vùng Nam Trung Bộ, đặc biệt ở các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận. Không ai biết bánh căn có từ bao giờ, nhưng nguồn gốc là một món ăn của người Chăm. Khi được hỏi về nguồn gốc và tên gọi của bánh, người Chăm cho rằng khi gánh góm xuống bán cho người Việt ở những làng chày, họ quan sát cách làm bánh xèo của người Việt rồi về làm ra chiếc bánh cho riêng mình. Riêng tên gọi của bánh không biết có ý nghĩa gì nhưng dựa theo cái khuôn đúc của người Chăm và qua lời họ kể thì sở dĩ bánh có tên như vậy là do khi đúc, bánh nở căng tròn như bầu sữa mẹ khi sinh con. Giải thích cho điều này là vì khuôn đúc bánh căn khi úp ngược lại giống hệt hình cái ngực của người phụ nữ. Sữa trong ngực người phụ nữ là màu trắng đục, cũng giống như bột đổ bánh căn cũng là màu trắng đục.

Bánh căn chủ yếu thường được làm bằng khuôn đất nung và có nhiều lỗ tròn để đặt khuôn. Những khuôn đất này được chế tạo từ bàn tay tài hoa của những người thợ góm Bầu Trúc và hình như chỉ ở đây mới sản xuất ra những lò đổ bánh căn.



(Ảnh minh họa)

Bánh nhìn đơn giản từ nguyên liệu đến cách chế biến. Tuy nhiên, để có một cặp bánh đạt yêu cầu và thu hút thực khách thì ngoài kinh nghiệm trong việc đổ bánh còn đòi hỏi người bán phải biết tạo ra hỗn hợp bánh chuẩn, kết hợp với nước chấm và đồ ăn thêm.

Về phần hình dáng và nguyên liệu, bánh có phần khá giống bánh khọt ở miền Nam và đều được chế biến từ bột gạo. Tuy nhiên, khi chế biến món bánh khọt, người ta thường thêm bột nghệ để bánh có màu vàng đẹp mắt. Đối với bánh căn, gạo để làm bánh căn phải là gạo cũ thì bánh mới giòn, còn nếu sử dụng gạo mới, bánh sẽ bị nhão vì dẻo và dính sát khuôn, gỡ không khéo bánh sẽ nát. Gạo được đem ngâm khoảng chừng 6 tiếng, sau đó trộn thêm ít côm

nguội đã phơi khô rồi đem xay thành nhuyễn. Bột gạo sau đó được đem hoà với nước theo tỷ lệ nhất định.

Bánh được đổ trong lò nướng được làm bằng đất nung, phổ biến là loại 10 khuôn nhỏ, được đặt nơi kín gió để bánh chín đều và đẹp. Khi than rục hồng, đặt khuôn lên và chờ mặt khuôn thật nóng, xoa dầu từng khuôn nhỏ để chống dính trước khi đổ bột vào rồi đậy nắp. Đợi một lúc cho mặt bánh rỗ, mùi bột bánh cháy xém thoảng lên, mặt dưới vàng giòn, người đổ bánh sẽ dùng chiếc đũa bép nhỏ và dẹt nạy quanh vành bánh, bánh không dính khuôn nghĩa là bánh chín. Vì bánh căn nhỏ nên thường tính theo cặp chứ không theo cái, do đó người đổ bánh sẽ thêm một ít hành xắt nhỏ lên trên, sau đó cạy bánh từ khuôn này úp vào khuôn khác cũng đã rải hành, rồi cạy cả cặp bánh ra. Cách chế biến này có thể khác, tùy theo người đổ bánh, hàng quán và địa phương. Bánh đạt yêu cầu là bánh khi ra khỏi khuôn phải vừa giòn, vừa xốp lại vừa dẻo, vỏ bánh phải có màu trắng vàng nhưng không bị cháy khét.



(Ảnh minh họa)

Bánh căn ăn với mỡ hành mới ngon hoặc mỡ hẹ. Tùy theo hàng quán, địa phương mà người ta còn chế biến bánh căn với trứng, thịt bò hay mực, thịt băm, tôm lột hay pha trộn nhân “thập cẩm”. Tuy nhiên, yếu tố quyết định vị ngon đúng chất của bánh lại là nước chấm ăn cùng. Thường thì người ta ăn bánh căn với nước mắm có pha thêm nước cá nấu ngọt (cá bò, cá chám, cá liệt, cá thu...) và ít mỡ hành, xoài xanh thái sợi. Mùi vị đậm thắm hơn nhờ vị thơm của tỏi, vị ngọt của cá, chua chua của xoài, cay cay của ớt... ăn mãi mà không thấy ngán. Cũng có nơi người ta thay nước cá bằng nước mắm pha và thịt xiu mại. Khi ăn, bạn phải nhúng nguyên bánh trong phần nước chấm, sau đó thêm một ít đồ chua lên trên rồi cho trọn vào miệng thưởng thức. Cách ăn này giúp bạn cảm nhận được hết vị béo ngọt, đậm đà có trong từng chiếc bánh căn.



(Ảnh minh họa)

Nhắc đến những nơi có bánh căn ngon, người ta liền nhớ ngay đến những chiếc bánh căn dân dã, mang hương vị phố núi đặc trưng ở thành phố sương mù Đà Lạt. Qua một thời gian du nhập, món bánh căn dần được thay đổi để phù hợp với khẩu vị của cả người địa phương lẫn du khách cả nước. Du khách sẽ được thưởng thức một phần bánh căn thơm lừng, nóng hổi, toả mùi hương ngào ngạt với các loại nhân: trứng gà, trứng vịt, trứng cút. Kế bên là chén nước chấm được chế biến theo phong cách rất Đà Lạt gồm: nước mắm pha với chút mỡ hành, rồi nêm thêm một ít ớt xay hoặc sa tế mang đến cho thực khách một hương vị nhẹ nhàng, thanh đạm và thơm ngon đến lạ lùng.

Cùng với Đà Lạt, Phan Thiết và Phan Rang cũng là 2 địa điểm chế biến bánh căn nổi tiếng. Tại Phan Thiết, người ta chỉ đổ bột đơn thuần với bột. Sau khi nạy bánh ra khỏi khuôn xong, người bán liền phủ lên một lớp hành lá rồi úp thêm một chiếc bánh vào và được ăn kèm với các thức ăn khác như: xíu mại, trứng gà, trứng vịt, trứng cút luộc, da heo luộc cắt miếng và đĩa cá kho với nước sốt đậm đà. Ngoài ra, còn có rau sống và xoài chua thái sợi để giúp cân bằng hương vị cho món ăn.



(Ảnh minh họa)

Ở Phan Rang, bánh căn được chế biến cầu kỳ hơn so với Phan Thiết. Sau khi đổ bột vào khuôn xong, người ta còn thêm một lớp trứng mỏng, rồi lại thêm

mực và tôm lên trên. Đặc biệt, ở đây còn có 3 loại nước chấm kèm rất ngon. Đó là mắm nêm, mắm chua ngọt và mắm đậu phộng giã nhuyễn. Thực khách có thể tự do lựa chọn loại nước chấm mà mình thích để thưởng thức cùng với hương vị béo ngọt từ bánh căn.



(Ảnh minh họa)

Trải qua thời gian và theo dòng người di cư, từ những chiếc bánh nhỏ nhắn, giản dị từ nguyên liệu đến cách chế biến đã được biến tấu đặc sắc hơn, phù hợp hơn với khẩu vị địa phương mà nó dừng chân, như ăn với nhiều loại nước chấm hơn, thêm vào bánh nào là tôm, mực, trứng... Màu trắng của bánh thêm màu xanh của hành lá xắt nhuyễn, màu đỏ của ớt, vị chua của xoài, chanh, rồi tất cả loại mắm cho chung vào đủ để cho vị giác của người ăn được kích thích đến tận cùng. Vị chua chua, cay cay, bùi bùi khiến cho những ai đã một lần nếm thử món bánh căn dân dã sẽ không bao giờ quên được.

(Tổng hợp từ nhiều nguồn)
